

Bản án số: 236/2026/HS-ST

Ngày: 21-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Nam.

2/ Bà Phạm Thị Thanh Mẫn.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo sự ủy quyền của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao: Bà Hồ Thị Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2026/HSST ngày 22/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1205/2026/QĐXXST-HS ngày 30/3/2026, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Bùi Đức T**; sinh ngày 22/7/1987 tại tỉnh Ninh Bình; nơi thường trú và chỗ ở: Căn hộ C chung cư D, số A V, phường B (Trước là Phường A, Quận H), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kiểm sát viên sơ cấp Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) (Đã bị buộc thôi việc theo Quyết định số 11/QĐ-VKS ngày 17/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); Đảng phái chính trị: Đảng viên Đ (Đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 183-QĐ/UBKT ngày 24/01/2025 của Ủy ban kiểm tra Quận ủy Q); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Lê Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị Hạnh N, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/01/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Thùy D**; sinh ngày 24/11/1985 tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: 1, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 26 ngách D ngõ B T, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3; có chồng là Phùng Văn B, sinh năm

1984 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/7/2025, đến ngày 19/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa:

1/ Bà Nguyễn Thị M, Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Bùi Đức T. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Ông Nguyễn Tiến P, Luật sư của Công ty L1 và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy D. (Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; nơi cư trú: 9 N, phường C, Quận A (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1974; nơi cư trú: B L, Phường A, Quận E (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Phùng Văn B, sinh năm 1984; nơi thường trú: Số A Khối B, Lô K, Chung cư C, Ấp E, xã P, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; bị tạm giam từ ngày 08/01/2022 đến ngày 05/8/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, đến ngày 09/01/2025 bị bắt, tạm giam đến nay (Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H). (Có mặt tại phiên tòa)

4/ Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10), Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở: Số F đường số C, Khu hành chính, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đức T là Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Cũ), được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết vụ án Phùng Văn B về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 283/CSĐT(ĐTMT) ngày 25/11/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/7/2022, Nguyễn Thị Thùy D (vợ của Phùng Văn B) đến trụ sở Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 gặp Bùi Đức T để hỏi thông tin về vụ án và xin bảo lĩnh cho B. Cả hai thống nhất việc D đưa T số tiền 600.000.000 đồng để T tham mưu Lãnh đạo cho B được tại ngoại. Ngày 02/8/2022, trong phòng làm việc của T, D đã đưa cho T số tiền 600.000.000 đồng (gồm các mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng). Sau khi nhận tiền, T soạn đơn xin bảo lĩnh trên máy tính để trống phần tên người bảo lĩnh, in ra đưa cho D làm mẫu đánh máy rồi nộp lại cho T.

Ngày 25/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ban hành Kết luận điều tra số 116/CSĐT(ĐTMT) đề nghị truy tố Phùng Văn B về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Ngày 04/8/2022, D mang đơn xin bảo lãnh đến nộp cho T. Cùng ngày T xây dựng báo cáo đề xuất thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh đối với Phùng Văn B1. Ngày 05/8/2022, bà Phạm Thị Thu H2 - Phó Viện trưởng và ông Nguyễn Văn C - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phê duyệt đồng ý nên T làm thủ tục bảo lãnh trình bà H2 ký quyết định thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh đối với Phùng Văn B.

Ngày 30/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 ban hành Cáo trạng truy tố Phùng Văn B và đồng phạm, chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử.

Ngày 15/12/2022, D đến Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 gặp và đưa cho T 01 (một) sổ khám bệnh và 02 đơn thuốc của Phùng Văn B để xin giám định tâm thần cho B. T nói với D phải đưa 350.000.000 đồng để T lo việc giám định tâm thần. Ngày 14/01/2023, tại bàn đá kê trong khuôn viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, D đưa cho T số tiền 350.000.000 đồng. Ngày 31/01/2023, T dự thảo trình bà H2 ký công văn gửi Tòa án nhân dân Quận 8 đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì lý do gia đình Phùng Văn B đề nghị giám định tâm thần. Sau khi Tòa án nhân dân Quận 8 trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 để điều tra bổ sung, vào ngày 08/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 ban hành quyết định trả hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 để điều tra bổ sung.

Ngày 01/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ban hành quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với B. Ngày 12/4/2023, Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố H ban hành Kết luận số 1359/KLGD: “Trước, trong và sau khi có hành vi phạm tội cho đến hiện tại đối tượng hạn chế khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi” và đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với B. Ngày 19/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và công văn đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Phùng Văn B.

Ngày 22/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Phùng Văn B. Trong thời gian bắt buộc chữa bệnh, ngày 31/10/2023 B bị nhồi máu cơ tim cấp, điều trị tại Bệnh viện Đ1, tỉnh Đồng Nai cho đến ngày 06/11/2023. Ngày 29/11/2023, Bệnh viện Đ1, tỉnh Đồng Nai ban hành công văn số 1008 xác định: Phùng Văn B bị nhồi máu cơ tim cấp, thuộc loại bệnh hiểm nghèo.

Ngày 08/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự và quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Phùng Văn B vì mắc bệnh hiểm nghèo và không còn nguy hiểm cho xã hội theo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Ngày 19/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đã tiến hành kiểm sát và kết luận các quyết định trên là có căn cứ.

Do có dư luận về việc đình chỉ điều tra bị can đối với Phùng Văn B không đúng quy định, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xác minh lại vụ việc. Ngày 08/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành công văn yêu cầu hủy bỏ: Kết luận kiểm sát số 27/KL-VKSQ8 ngày 19/01/2024, Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự và Quyết định đình chỉ điều tra bị can. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Phùng Văn B về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 13/01/2025, Nguyễn Thị Thùy D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tố cáo hành vi nhận hối lộ của Bùi Đức T.

Quá trình điều tra Bùi Đức T, Nguyễn Thị Thùy D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập. T và D khẳng định chỉ trực tiếp trao đổi, bàn bạc với nhau về việc đưa, nhận tiền, không gặp và đưa tiền cho bất kỳ cán bộ nào khác.

Hành vi của những người liên quan:

- Đối với ông Nguyễn Văn C - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có hành vi ký duyệt đồng ý vào báo cáo đề xuất cho thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với Phùng Văn B.

- Đối với bà Phạm Thị Thu H2 - Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có hành vi ký duyệt báo cáo đề xuất, trực tiếp ký: Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn, Công văn đề nghị Tòa án nhân dân Quận 8 trả hồ sơ điều tra bổ sung để giám định tâm thần cho B, kết luận kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự và quyết định đình chỉ điều tra bị can.

Khi ông C phê duyệt và bà H2 ký các văn bản nêu trên đều không biết việc T nhận tiền của D. Kết quả điều tra không chứng minh được ông C và bà H2 có liên quan, hưởng lợi từ số tiền T đã nhận của D nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

- Việc đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can trái pháp luật đã được khắc phục: Vụ án được phục hồi điều tra, truy tố đến ngày 25/11/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt Phùng Văn B1 mức án 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 6) đã ban hành văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao tách tài liệu để thụ lý nguồn tin mới tiếp tục xác minh làm rõ trách nhiệm của các cá nhân có liên quan để xem xét xử lý sau.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, model A1865, số Imei: 354853092927809, không gắn thẻ sim bên trong.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 ProMax, màu xám, số Imeil 1: 350727308833007, số Imeil 2: 350727309920357, không gắn thẻ sim bên trong.

- 01 CPU máy tính làm việc hiệu HP đã qua sử dụng, số S: SGH521SQ1D, bên trong chứa 01 ổ cứng HDD hiệu Toshiba, số S: 45BU9NXASX11.

- Số tiền 950.000.000 đồng do gia đình bị cáo Bùi Đức T nộp khắc phục hậu quả.

Tại bản Cáo trạng số 3564/CT-VKSTC-V6 ngày 14/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố các bị cáo như sau:

- Truy tố bị cáo Bùi Đức T về tội “Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 3 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy D về tội “Đưa hối lộ” theo khoản 3 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Bùi Đức T và Nguyễn Thị Thùy D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu tại Bản cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, vai trò, hậu quả của tội phạm mà các bị cáo gây ra cũng như đánh giá các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Đức T về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy D về tội “Đưa hối lộ” theo khoản 3 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Đức T từ 6 đến 7 năm tù, về tội “Nhận hối lộ”.

2/ Áp dụng khoản 3 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy D từ 3 đến 4 năm tù, về tội “Đưa hối lộ”.

+ Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Nguyễn Thị M bào chữa cho bị cáo Bùi Đức T như sau:

Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng mà Cáo trạng truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên ngoài tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự thì bị cáo T còn có ông nội của bị cáo được tặng nhiều huân chương kháng chiến, cha đẻ của bị cáo là Công an và được tặng nhiều huy chương chiến sỹ vẻ vang, anh trai của bị cáo là quân nhân trong Quân đội. Xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Bùi Đức T thống nhất với luận cứ bào chữa của Luật sư và không bào chữa bổ sung.

- Luật sư Nguyễn Tiến P bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy D như sau:

Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng mà Cáo trạng truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên ngoài tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự thì bị cáo D còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do tại thời điểm bị cáo D trình báo với Cơ quan điều tra diễn ra trước khi hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện. Bên cạnh đó, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bị cáo đang phải chấp hành án phạt tù và có 02 con nhỏ nên bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình nên còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy D thống nhất với luận cứ bào chữa của Luật sư và không bào chữa bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp quan điểm bào chữa của các luật sư như sau: Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là đã khoan hồng và đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các Luật sư nêu ra thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng nếu có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát và các Luật sư đều bảo lưu quan điểm và không tranh luận nội dung nào khác.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Đức T và Nguyễn Thị Thùy D đều khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Xét, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản đối chất; kết luận giám định; dữ liệu trích xuất điện

thoại, máy tính, dữ liệu ghi âm cùng các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Bùi Đức T là Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 (C), Thành phố Hồ Chí Minh được phân công kiểm sát điều tra, giải quyết vụ án Phùng Văn B bị khởi tố, điều tra về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Do có động cơ vụ lợi, trong các ngày 02/8/2022 và 14/01/2023 tại trụ sở Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Bùi Đức T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao trực tiếp 02 lần nhận hối lộ với tổng số tiền 950.000.000 đồng để thực hiện công việc theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Thị Thùy D, cụ thể:

- Ngày 02/8/2022, T nhận của D số tiền 600.000.000 đồng để thực hiện các thủ tục đề xuất, trình lãnh đạo phê duyệt việc thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Phùng Văn B được tại ngoại.

- Ngày 14/01/2023, T nhận của D số tiền 350.000.000 đồng để làm thủ tục yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8 (C), Thành phố Hồ Chí Minh trả hồ sơ điều tra bổ sung để giám định tâm thần cho Phùng Văn B.

Hành vi của bị cáo Bùi Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Nhận hối lộ*” thuộc trường hợp “*Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025; Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thùy D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đưa hối lộ*” thuộc trường hợp “*Của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 364 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan tiến hành tố tụng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều đóng vai trò là người thực hành, trong đó bị cáo Nguyễn Thị Thùy D biết rõ hành vi của Phùng Văn B phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, nhưng vẫn chủ động thỏa thuận và đưa tiền hối lộ hai lần cho bị cáo T để giúp đỡ B không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội danh trên. Bị cáo Bùi Đức T được đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn về lĩnh vực công tố và kiểm sát, biết rõ hậu quả có thể xảy ra khi không làm đúng quy định, nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, nên cần áp dụng quy định tương ứng của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo mức án tương xứng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Bùi Đức T và Nguyễn Thị Thùy D phạm tội 02 lần trở lên và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Bùi Đức T tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền đã thu lợi bất chính; bị cáo có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác được cơ quan có thẩm quyền tặng bằng khen, giấy khen, danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; gia đình có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Thùy D sau khi phạm tội đã tự thú, tích cực phối hợp với cơ quan chức năng trong việc phát hiện tội phạm và có chú ruột của chồng là liệt sĩ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Các bị cáo Bùi Đức T và Nguyễn Thị Thùy D đều phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét, các bị cáo đều có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình. Bị cáo Nguyễn Thị Thùy D có chồng là Phùng Văn B hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác nên bị cáo là lao động chính trong gia đình, xét bị cáo D có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, đáp ứng đầy đủ các điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và không thuộc trường hợp cấm cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Việc cho bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do đó Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[6] Lập luận trên đây cũng là căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát cũng như luận cứ bào chữa của các luật sư, các bị cáo, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Kết quả điều tra và tranh tụng tại phiên tòa xác định bị cáo Bùi Đức T đã thu lợi bất chính số tiền 950.000.000 đồng. Quá trình điều tra, gia đình của bị cáo Bùi

Đức T đã nộp lại toàn bộ số tiền này. Xét đây là tiền có được từ hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 CPU máy tính làm việc hiệu HP đã qua sử dụng, số S: SGH521SQ1D, bên trong chứa 01 ổ cứng HDD hiệu Toshiba, số S: 45BU9NXASX11 là tài sản của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10), Thành phố Hồ Chí Minh nên cần trả lại cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, mode A1865, số Imei: 354853092927809, không gắn thẻ sim bên trong (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thùy D) là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 ProMax, màu xám, số Imeil 1: 350727308833007, số Imeil 2: 350727309920357, không gắn thẻ sim bên trong (Thu giữ của bị cáo Bùi Đức T), tại phiên tòa bị cáo khai mới mua điện thoại này một tháng trước bị bắt. Xét, đây là tài sản cá nhân của bị cáo T và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo T.

[9] Đối với các vấn đề khác:

[9.1] Đối với ông Nguyễn Văn C - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có hành vi ký duyệt đồng ý vào báo cáo đề xuất cho thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với Phùng Văn B và bà Phạm Thị Thu H2 - Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có hành vi ký duyệt báo cáo đề xuất, trực tiếp ký Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn, Công văn đề nghị Tòa án nhân dân Quận 8 trả hồ sơ điều tra bổ sung để giám định tâm thần cho B, kết luận kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự và quyết định đình chỉ điều tra bị can. Khi ông C phê duyệt và bà H2 ký các văn bản nêu trên đều không biết việc T nhận tiền của D. Kết quả điều tra không chứng minh được ông C và bà H2 có liên quan, hưởng lợi từ số tiền T đã nhận của D nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý nên căn cứ giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[9.2] Đối với việc đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can trái pháp luật đã được khắc phục, xét thấy vụ án được phục hồi điều tra, truy tố đến ngày 25/11/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt Phùng Văn B mức án 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 6) đã ban hành văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao tách tài liệu để thụ lý nguồn tin mới tiếp tục xác minh làm rõ trách nhiệm của các cá nhân có liên quan để xem xét xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Bùi Đức T** 07 (B2) năm tù, về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2025.

2/ Căn cứ khoản 3 Điều 364; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thùy D** 03 (Ba) năm tù, về tội “Đưa hối lộ”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị Thùy D** cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước đối với:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, mode A1865, số Imei: 354853092927809, không gắn thẻ sim bên trong; (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

+ Số tiền 950.000.000 (Chín trăm năm mươi triệu) đồng (*Theo Ủy nhiệm chi số /260303_1025877_0023003 ngày 25/02/2026 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực 1*).

- Trả cho bị cáo Bùi Đức T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 ProMax, màu xám, số Imeil 1: 350727308833007, số Imeil 2: 350727309920357. (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu Iphone màu xám, không kiểm tra được đời máy, Imei, model do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

- Trả cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10), Thành phố Hồ Chí Minh: 01 CPU màu đen đã qua sử dụng, bên ngoài có ghi chữ “hp ProDesk 600G1SFF, số Seri: SGH521SQ1D.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2026/237 ngày 27/01/2026)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Bùi Đức T và Nguyễn Thị Thùy D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận;

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa; (1)
- Bị cáo; (2)
- THADS TPHCM; (1)
- Đường sự; (4)
- Luật sư (2)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (23) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Giang

